

Số: 5239/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Cập nhật, điều chỉnh một số thông tin tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá**

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;*

*Căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn quốc gia về đấu thầu thuốc tại Phiếu trình số 546/QLD-GT ngày 22/09/2021 và Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc và nguyên liệu làm thuốc tại Công văn số 109/VPHĐ ngày 18/10/2021;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Dược,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cập nhật, điều chỉnh một số thông tin thuốc tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá.

Nội dung cập nhật, điều chỉnh chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo.



Cục Quản lý Dược phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về Hồ sơ trình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

**Điều 3.** Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội; Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Công báo, Công TTĐT Chính phủ);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng BHYT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính, Sở Y tế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Y tế ngành (QP, CA, BCVT, GTVT);
- Vụ PC; Cục Phòng, chống HIV/AIDS;
- Trung tâm MSTT thuốc Quốc gia;
- Hiệp hội DN Dược Việt Nam;
- Hiệp hội Bệnh viện tư nhân Việt Nam;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam-CTCP;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Trang Thông tin điện tử Cục QLD;
- Lưu: VT, QLD.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Xuân Tuyên**



**Phụ lục 1**

**Cập nhật, điều chỉnh một số thông tin tại các Phụ lục ban hành kèm theo  
Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 8 năm 2020**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5239/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2021  
của Bộ Y tế)

**I. Phụ lục I. Danh mục thuốc đầu thầu**

STT	Nội dung	Thông tin đã ghi tại Thông tư	Thông tin cập nhật, điều chỉnh
1	Phần I (tên đề mục)	Phần I. Danh mục thuốc tân dược	Phần I. Danh mục thuốc hoá dược
2	Phần I, 148 (Tên hoạt chất)	Bọ mấm, Eucalyptol, Núc nác, Viễ chí, Trần bì, An tức hương, Húng chanh, Matri benzoat	Bọ mấm, Eucalyptol, Núc nác, Viễ chí, Trần bì, An tức hương, Húng chanh, Natri benzoat
3	Phần III, 16 (Tên hoạt chất)	Artiso, Nghệ, Rau má	Actiso, Nghệ, Rau má

**II. Phụ lục II. Danh mục thuốc đầu thầu tập trung cấp quốc gia**

STT	Nội dung	Thông tin đã ghi tại Thông tư	Thông tin cập nhật, điều chỉnh
1	Phần B, 16 (Tên hoạt chất)	Lamivudin + Tenofovir + Efavirenz	Lamivudin + Tenofovir disoproxil fumarat + Efavirenz
2	Phần B, 17 (Tên hoạt chất)	Lamivudin + Tenofovir	Lamivudin + Tenofovir disoproxil fumarat
3	Phần B, 26 (Tên hoạt chất)	Tenofovir	Tenofovir disoproxil fumarat
4	Phần C, I, 16 (Tên hoạt chất)	Lamivudin + Tenofovir + Efavirenz	Lamivudin + Tenofovir disoproxil fumarat + Efavirenz
5	Phần C, I, 17 (Tên hoạt chất)	Lamivudin + Tenofovir	Lamivudin + Tenofovir disoproxil fumarat
6	Phần C, I, 27 (Tên hoạt chất)	Tenofovir	Tenofovir disoproxil fumarat
7	Phần C, III, 8 (Tên hoạt chất)	Ethambutol	Ethambutol hydroclorid
8	Phần C, VI, 14 (Tên hoạt chất)	Sulperid	Sulpirid

**III. Phụ lục IV. Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thông tin đã ghi tại Thông tư</b>	<b>Thông tin cập nhật, điều chỉnh</b>
1	Phần I, 69 (Tên thuốc)	Rocephin 1g I.V	Rocephin 1g I.V.
2	Phần II, 350 (Nồng độ/Hàm lượng)	775mg/ml (trương đương 350mg Iod/ml)	755mg/ml (trương đương 350mg Iod/ml)
3	Phần IV, 1 (Hoạt chất)	Tenofovir; Lamivudin; Dolutegravir	Tenofovir disoproxil fumarat; Lamivudin; Dolutegravir
4	Phần IV, 2 (Hoạt chất)	Tenofovir; Lamivudin; Efavirenz	Tenofovir disoproxil fumarat; Lamivudin; Efavirenz